

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ: Quyết định số 1573/QĐ-BKHCN ngày 08/6/2018; Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2018; Quyết định số 2138/QĐ-BKHCN ngày 01/8/2018; Quyết định số 2306/QĐ-BKHCN ngày 16/8/2018; Quyết định số 2405/QĐ-BKHCN ngày 24/8/2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 12/TTr-SKHCN ngày 26/02/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính hoặc bộ phận tạo thành thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Bãi bỏ 07 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ đã được công bố tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (có danh mục kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *huy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng TH, KT;
- Lưu: VT, KSTTHC (D_12).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐẮK LẮK
(Ban hành kèm theo Quyết định số 566 /QĐ-UBND, ngày 15/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				
1	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	Trong thời hạn 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, số 10 Nguyễn Hữu Thấu, Phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.
2	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định				
3	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ			
4	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia	Hàng năm			
5	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ				
6	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- Trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ; - Trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập và tổ chức họp Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh; - Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định; - Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- Thay đổi thời gian thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì dự án; - Các thay đổi, điều chỉnh khác: Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 03/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
8	Đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	- Thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp lệ; - Xem xét, ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng thực hiện dự án: Sau khi tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường. Trường hợp cần thiết phải tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- Thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ; - Tổ chức chủ trì dự án bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ; - Thành lập hội đồng: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hợp lệ; - Tổ chức họp Hội đồng: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng; - Quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu công nhận kết quả thực hiện dự án.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013; - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
III Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ					
10	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần thiết, UBND tỉnh tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 14/2017/TT-BKHHCN ngày 01/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
11	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc; - Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.			- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc; - Phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.
13	Mua sáng chế, sáng kiến	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 15 ngày làm việc; - Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của Hội đồng.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	- Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
15	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
16	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
17	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (đã được công bố tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ				
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	- Luật Chuyển giao công nghệ số năm 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ, số 15 A Trường Chinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	- Luật Chuyển giao công nghệ số năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				
3	Cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, số 10 Nguyễn Hữu Thấu, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ; - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa				
5	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ			

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (đã được công bố tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	
1	Xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.
2	Cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	
4	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ	
5	Đăng ký chủ trì thực hiện dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ	Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
III	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.